

HOSE

17/02/2014

VNINDEX 570.20 -2.02 -0.35%

 KLGD 163,684,720 CP
 GTGD 2,511.50 Tỷ
 GTR NDTNN - 56.51 Tỷ

 CP Tăng giá 135 CP
 CP Giảm giá 106 CP
 CP Đứng giá 63 CP


Tâm điểm

► **Tăng giảm trái chiều, dòng tiền vẫn duy trì ở mức cao**

► **Thanh khoản tiếp tục tăng lên và duy trì ở mức cao**
 Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt hơn 3.500 tỷ đồng.

► **Dự kiến tiêu thụ thép đạt 12.4 - 12.65 triệu tấn/năm**
 Tiêu thụ thép có tăng nhưng chỉ ở mức khiêm tốn 3-5% so với năm 2013
 Công thương

► **Xuất khẩu thủy sản năm 2014 có thể đạt giá trị 6.7-6.8 tỉ USD**
 Theo ông Trương Đình Hòa, TTK Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam
 Người Lao động

► **Năm 2014: Sẽ phát hành hơn 30,000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp**
 Con số thực tế sẽ phụ thuộc vào khả năng và nhu cầu huy động vốn của DN
 Đầu tư Chứng khoán

► **REE: Lãi ròng quý 4 giảm 17%, cả năm vượt 50% kế hoạch**
 Lợi nhuận từ liên doanh liên kết của REE đạt 428 tỷ đồng, tăng 861% so năm trước.
 Công Lý

► **SHB: Lãi sau thuế 2013 đạt 757 tỷ đồng**
 Trong khi, năm trước SHB lỗ ròng 95 tỷ đồng.
 Công Lý

HNX

17/2/2014

HNXINDEX 79.64 0.88 1.11%

 KLGD 103,606,279 CP
 GTGD 1,014.89 Tỷ
 GTR NDTNN 34.81 Tỷ

 CP Tăng giá 139 CP
 CP Giảm giá 85 CP
 CP Đứng giá 155 CP


Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,009,412	13.8	3.1	22.4%	11.4%
HNX	123,608	18.2	1.6	9.8%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,133,020	14.7	3.0	21.4%	10.7%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,336	6.8	1.1	16.9%	11.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,912	8.0	1.9	24.6%	18.2%
Thép và sản phẩm thép	32,422	16.9	1.9	15.7%	6.3%
Khai khoáng	12,401	43.4	4.9	3.8%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,554	17.1	1.4	16.8%	9.9%
Xây dựng	29,132	56.6	1.1	5.3%	2.1%
Máy công nghiệp	10,095	9.6	1.7	23.9%	13.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,090	12.4	1.7	17.5%	12.6%
Lốp xe	7,208	8.9	2.5	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	12,922	10.8	1.2	12.4%	5.7%
Thực phẩm	209,272	23.4	5.6	24.5%	18.5%
Dược phẩm	15,848	12.7	3.3	26.8%	17.1%
Phần mềm	15,825	9.8	2.2	23.5%	10.5%
Sản xuất & phân phối điện	23,202	6.9	1.3	21.8%	10.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	165,034	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	32,527	29.5	2.8	9.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	21,942	18.8	1.3	8.0%	5.5%
Ngân hàng	258,351	10.6	1.3	12.1%	1.0%
Bất động sản	144,182	19.6	2.9	25.1%	6.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,302	10.7	1.8	18.7%	7.0%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 638.80 -2.61 -0.41%

HNX30 158.27 2.65 1.70%

VietinBankSc

306 Ba Trieu

Hai Ba Trung

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Dự kiến tiêu thụ thép đạt 12.4 - 12.65 triệu tấn/năm

Xuất khẩu thủy sản năm 2014 có thể đạt giá trị 6.7-6.8 tỉ USD

Năm 2014: Sẽ phát hành hơn 30,000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FCN: Lãi ròng cả năm 114 tỷ, đạt 95% kế hoạch

REE: Lãi ròng quý 4 giảm 17%, cả năm vượt 50% kế hoạch

SHB: Lãi sau thuế 2013 đạt 757 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo ông Nguyễn Mạnh Quân, Vụ trưởng Vụ Công nghiệp Nặng (Bộ Công Thương), năm 2014, những ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều thép như đóng tàu, chế tạo ô tô, chế tạo cơ khí chưa khởi sắc, vì vậy tiêu thụ thép có tăng nhưng chỉ ở mức khiêm tốn 3-5% so với năm 2013 và không có đột biến. Với mức tăng trưởng dự kiến như vậy, tiêu thụ thép cả nước năm 2014 dự kiến chỉ đạt 12.4-12.65 triệu tấn/năm. Công suất sản xuất thép vẫn dư thừa, cạnh tranh giữa các công ty trong nước vẫn diễn ra mãnh liệt.

Ngày 16-2, ông Trương Đình Hòa, Tổng Thư ký Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), cho biết trong tháng 1-2014, xuất khẩu thủy sản ước đạt 700 triệu USD là tín hiệu phấn khởi đầu năm. Cũng theo ông Hòa, xuất khẩu thủy sản năm 2014 có khả năng vẫn đạt được giá trị 6.7-6.8 tỉ USD do nhu cầu thế giới và khả năng phục hồi thị trường châu Âu. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang gia tăng xuất khẩu sang những thị trường mới như Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước Đông Nam Á.

Vụ Tài chính - ngân hàng, Bộ Tài chính dự báo, năm 2014, sẽ có 30,000 - 35,000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) được phát hành ra thị trường. Con số thực tế sẽ phụ thuộc vào nhu cầu huy động vốn của DN, khả năng huy động vốn của DN qua các kênh khác, bao gồm cổ phiếu và tín dụng ngân hàng. Vụ Tài chính - ngân hàng cho biết, trên cơ sở các cân đối vĩ mô, năm 2014, dự kiến sẽ phát hành 210,000 tỷ đồng trái phiếu chính phủ; 51,000 tỷ đồng trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, 10,000 - 12,000 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon (HOSE: FCN) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2013 với doanh thu thuần 513.6 tỷ, tăng 44% so cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế 46 tỷ, cũng tăng 35%. Lũy kế cả năm 2013, chỉ tiêu doanh thu thuần đạt mức 1,204.7 tỷ đồng, tăng 19.5% so năm 2012 và hoàn thành kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế 114 tỷ đồng, tăng gần 21% và đạt 95% kế hoạch (120 tỷ đồng). Năm 2014, FLC dự kiến doanh thu 2,500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 220 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với kế hoạch năm 2013 và bằng 169% kết quả năm liền trước.

Doanh thu thuần trong quý 4/2013 của CTCP Cơ điện lạnh (HOSE: REE) đạt mức 729.5 tỷ đồng, tăng 10.5% so cùng kỳ 2012. Giá vốn cũng tăng tương ứng nên lãi gộp giảm gần 8%. Kỳ này doanh thu tài chính đạt 87 tỷ đồng, tăng 37% nhờ cổ tức lợi nhuận được chia và lãi chênh lệch tỷ giá. Tuy nhiên sau khi trừ các loại chi phí khác, REE ghi nhận 136 tỷ đồng lãi ròng, giảm 17% so cùng kỳ. Lũy kế cả năm, chỉ tiêu doanh thu thuần đạt 2,413 tỷ đồng, nhích nhẹ so với năm 2012. Tuy nhiên nhờ khoản lợi nhuận từ liên doanh liên kết đạt mức 428 tỷ đồng, tăng 861% so năm trước nên lợi nhuận sau thuế gần 976 tỷ, tăng 48% và vượt 50% kế hoạch năm. EPS ở mức 3,984 đồng.

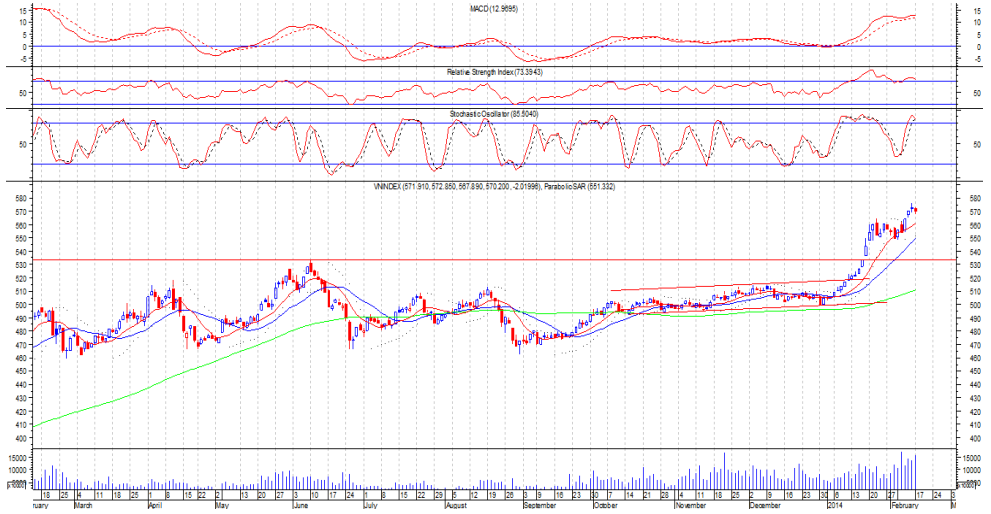
Thu nhập thuần từ lãi hợp nhất của ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (HNX: SHB) trong quý 4/2013 đạt 671 tỷ đồng, cao gấp đôi so với quý 4/2012. Tuy nhiên, SHB bị lỗ 67 tỷ trong hoạt động kinh doanh ngoại hối/vàng, đồng thời và lỗ gần 4 tỷ đồng mua bán chứng khoán đầu tư trong khi cùng kỳ năm trước lãi 121 tỷ đồng. Bên cạnh đó, lãi từ hoạt động khác của SHB cũng sụt giảm mạnh từ 630 tỷ xuống còn 11 tỷ đồng. Mặc dù SHB đã giảm mạnh chi phí dự phòng rủi ro tín dụng từ 551 tỷ xuống còn 69 tỷ đồng nhưng lợi nhuận sau thuế cũng tuột dốc 79% xuống còn 217 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2013, lợi nhuận sau thuế của SHB đạt 757 tỷ đồng trong khi năm trước lỗ 95 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế của ngân hàng đạt 1,002 tỷ đồng. □

HOSE 17/02/2014 VNINDEX 570.20 -2.02 -0.35% 163,684,720 CP 2,511.50 bil VND

Tăng giảm trái chiều, dòng tiền vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao

VN-Index giảm 2.02 điểm (-0.35%), đóng cửa tại mức 570.2 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, giảm điểm nhẹ, dù trong phiên có thời điểm VN-Index giảm điểm khá mạnh.

- MA10, MA20 tiếp tục đi lên. Cho thấy xu hướng của thị trường vẫn đang khá tích cực. 2 đường này sẽ hỗ trợ mạnh nếu VN-Index điều chỉnh
- Tín hiệu MACD Histogram đi ngang sau giai đoạn tăng mạnh trước.
- Stochastic Oscillator dừng đà tăng và sắp cho tín hiệu bán.
- RSI (14) giảm nhẹ và đạt mức 73.



HOSE Top 5 theo KLGD

HAG	1 (4.0%)	12,285,240
ITA	0.1 (1.3%)	11,364,370
FLC	0.6 (5.9%)	8,690,940
IJC	-0.1 (-0.8%)	3,902,810
OGC	0.5 (4.2%)	3,850,350

HOSE Top 5 theo % tăng

NBB	1.7 (7.0%)	597,070
HT1	0.5 (6.9%)	268,790
CNG	3.1 (6.9%)	266,350
DRH	0.2 (6.9%)	176,100
KSH	0.4 (6.9%)	26,370

HOSE Top 5 theo % giảm

SC5	-1.7 (-6.9%)	9,380
FDC	-1.6 (-6.7%)	28,070
SII	-1.4 (-6.3%)	1,530
ASIAGF	-0.6 (-6.3%)	140
VNA	-0.2 (-6.3%)	86,750

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

ITA	10,6 tỷ	1,382,550
VCB	9,2 tỷ	317,920
DRC	7,8 tỷ	167,070
HSG	7,6 tỷ	154,640
OGC	6,9 tỷ	569,900

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-115,7 tỷ	4,434,340
DPM	-13,2 tỷ	291,260
NTL	-2,6 tỷ	147,000
FCM	-2,1 tỷ	133,750
PGC	-1,3 tỷ	87,640

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-616,900	- 56.51

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền vẫn tiếp tục duy trì khá mạnh dù áp lực chốt lời liên tục diễn ra. Trong phiên có lúc chỉ số VN-Index điều chỉnh mạnh nhưng lực cầu vẫn tỏ ra khá mạnh.
- ▶ Khối lượng giao dịch tiếp tục gia tăng, đạt mốc 159 triệu đơn vị. Đây vẫn là một cao và nó cho thấy sự hưng phấn của nhà đầu tư vẫn được duy trì.
- ▶ VN-Index có thể sẽ tiếp tục đạt đỉnh cao mới, nhưng rủi ro điều chỉnh của thị trường sẽ lớn dần.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ phiên hôm nay. Nếu khối ngoại duy trì đà bán ròng thì khả năng thị trường sẽ tiếp tục tăng điểm.
- ▶ NĐT có thể chốt lời các mã đã đạt kỳ vọng lợi nhuận. Hạn chế gia tăng tỷ trọng mua mới trong danh mục, tránh mua đuổi giá nếu thanh khoản không gia tăng.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	82.5	156,337.50	12.8	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	140.0	116,685.39	17.9	6.7	39.6%	30.7%
VIC	909.5	76.5	69,578.63	11.5	4.4	47.1%	10.5%
MSN	734.9	93.0	68,346.75	169.4	5.2	2.7%	0.9%
VCB	2,317.4	28.8	66,741.61	16.5	1.6	9.8%	1.0%
CTG	3,723.4	16.8	62,553.20	7.4	1.1	16.0%	1.3%
BID	2,811.2	16.7	46,947.08	9.6	1.5	15.4%	0.9%
BVH	680.5	47.5	32,322.39	29.6	2.8	9.0%	2.3%
STB	1,142.5	20.5	23,421.49	29.3	1.6	5.4%	0.5%
PVD	275.3	73.5	20,231.47	11.2	1.9	20.2%	8.2%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.7	3,186.62	249.1	1.2	NA	TH.DOI
PPC	318.2	26.4	8,399.28	4.3	1.6	NA	TH.DOI
DPM	379.9	45.3	17,211.02	7.7	1.8	NA	TH.DOI
BMP	45.5	76.0	3,456.36	9.4	2.4	NA	TH.DOI
VSC	28.6	69.5	1,990.90	8.3	2.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	76.0	3,456.36	9.4	2.4	NA	TH.DOI

HNX 17/02/2014 HNX-Index 79.64 0.88 1.11% 103,606,279 CP 1,014.89 bil. VND

HNX-Index tiếp tục tăng điểm tích cực

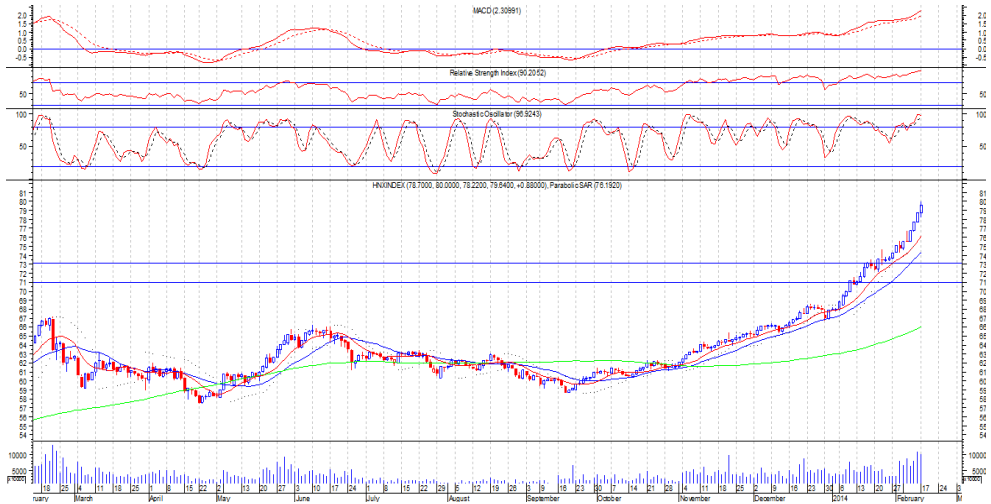
Chỉ số HNX-Index tăng 0.88 điểm (+1.11%), đóng cửa tại mốc 79.64 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh, thân nến dài, tăng điểm tích cực, đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng cho thấy xu hướng tăng điểm của HNX-Index tiếp tục được duy trì.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator dừng đà tăng và sắp cho tín hiệu bán.

- Tín hiệu MACD Histogram tiếp tục tăng lên khá mạnh.

- RSI (14) tăng mạnh lên mức 90. Đây là mức rất cao.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	0.2 (2.6%)	15,604,870
PVX	0 (0.0%)	14,221,500
SCR	0.4 (4.7%)	9,433,470
KLS	0.4 (3.6%)	5,911,940
VCG	0 (0.0%)	5,353,990

HNX Top 5 theo % tăng

C92	1.3 (10.0%)	700
CX8	0.4 (10.0%)	2,300
HHG	0.3 (10.0%)	4,300
HPC	0.5 (10.0%)	1,183,930
LDP	5.1 (10.0%)	400

HNX Top 5 theo % giảm

QST	-1.2 (-9.8%)	100
BBS	-2.1 (-9.8%)	130
NGC	-1.2 (-9.5%)	2,600
VC7	-0.6 (-9.5%)	22,700
V21	-0.5 (-9.1%)	500

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	11,2 tỷ	1,414,000
PVS	11,2 tỷ	379,800
VCG	6,0 tỷ	433,500
LAS	3,4 tỷ	70,000
SDT	1,3 tỷ	76,700

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PGS	-2,4 tỷ	62,000
VND	-1,3 tỷ	85,010
VNR	-0,1 tỷ	5,200
SHN	-0,1 tỷ	25,000
KLS	-0,1 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	2,763,312	34.81

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Dòng tiền vẫn tiếp tục duy trì sự hưng phấn trên sàn Hà Nội. Nhiều cổ phiếu chủ chốt sàn này vẫn giữ đà tăng, giúp HNX-Index tiếp tục chinh phục đỉnh mới.
- ▶ Khối lượng giao dịch sụt giảm nhẹ và đạt 102 triệu đơn vị. Đây vẫn là một mức khá cao, cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn đang khá tích cực.
- ▶ Đà tăng của HNX-Index có thể sẽ tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, áp lực điều chỉnh đang lớn dần.
- ▶ Khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng. Nếu đà mua ròng vẫn được duy trì thì khả năng thị trường sẽ tiếp tục tăng điểm.
- ▶ NĐT có thể chốt lời các mã đã đạt kỳ vọng lợi nhuận. Hạn chế gia tăng tỷ trọng mua mới trong danh mục, tránh mua đuổi giá nếu thanh khoản không gia tăng.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.1	14,836.40	16.1	1.2	7.5%	0.6%
PVS	446.7	30.0	13,401.01	9.7	1.6	17.4%	5.3%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	8.0	7,088.67	4.1	0.7	17.1%	1.5%
OCH	200.0	30.7	6,140.00	45.0	2.9	5.9%	2.2%
VCG	441.7	13.8	6,095.61	11.2	1.1	10.1%	2.1%
PVI	225.4	20.5	4,620.99	16.1	0.8	4.6%	2.5%
LAS	77.8	48.3	3,759.29	8.4	2.7	34.3%	16.1%
NTP	43.3	65.5	2,838.64	9.2	2.4	26.6%	18.1%
VNR	100.8	26.3	2,651.77	7.5	1.1	14.5%	7.8%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	38.1	1,447.80	7.9	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	24.1	477.18	8.4	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.9	1,444.35	12.2	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	65.5	2,838.64	9.2	2.4	NA	TH.DOI
VCG	441.7	13.8	6,095.61	11.2	1.1	NA	TH.DOI
LAS	77.8	48.3	3,759.29	8.4	2.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,346.75	15.35%	93.0	169.43	5.22	202,182	275,932	274,082
VIC	HOSE	909.5	69,578.63	14.46%	76.5	11.48	4.36	226,717	295,175	259,045
HPG	HOSE	419.1	20,114.52	11.74%	48.0	12.42	2.24	638,846	672,322	489,114
PVD	HOSE	275.3	20,231.47	8.68%	73.5	11.22	1.89	323,114	404,448	341,071
DPM	HOSE	379.9	17,211.02	8.01%	45.3	7.72	1.84	747,220	932,592	537,478
HAG	HOSE	718.2	18,600.21	7.98%	25.9	22.74	1.39	4,391,245	3,782,002	2,506,104
VCB	HOSE	2,317.4	66,741.61	6.11%	28.8	16.51	1.62	898,843	1,211,199	802,820
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	4.13%	20.5	29.29	1.56	447,662	670,485	377,752
BVH	HOSE	680.5	32,322.39	3.08%	47.5	29.55	2.75	576,092	713,344	481,454
ITA	HOSE	718.1	5,529.18	2.71%	7.7	298.66	0.67	8,388,156	9,072,196	6,361,966
HSG	HOSE	96.3	4,767.50	2.68%	49.5	8.27	2.26	318,006	397,143	328,319
GMD	HOSE	114.4	4,050.53	2.26%	35.4	20.65	0.91	390,087	491,108	494,901
PPC	HOSE	318.2	8,399.28	2.03%	26.4	4.28	1.63	1,240,292	1,493,654	1,429,705
VSH	HOSE	206.2	3,382.36	1.74%	16.4	17.04	1.28	1,222,447	1,502,540	1,132,756
CSM	HOSE	67.3	2,819.53	1.64%	41.9	7.84	2.32	765,936	864,742	640,242
KBC	HOSE	289.8	3,448.15	1.48%	11.9	- 10.03	0.89	1,088,746	1,158,629	981,058
DRC	HOSE	83.1	3,887.86	1.33%	46.8	10.27	2.79	528,220	514,282	327,255
PVT	HOSE	232.6	3,186.62	1.18%	13.7	- 249.11	1.16	2,951,141	2,531,849	2,642,355
DIG	HOSE	143.0	2,216.43	1.01%	15.5	538.94	0.92	1,043,593	894,335	860,398
OGC	HOSE	300.0	3,720.00	0.91%	12.4	- 60.59	1.11	2,354,355	1,961,624	1,909,115
PET	HOSE	69.8	1,571.45	0.87%	22.5	8.85	1.24	1,175,171	1,055,149	852,395
SBT	HOSE	143.5	1,807.93	0.60%	12.6	7.27	0.99	313,968	250,097	295,900

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,401.01	8.04%	30.0	9.68	1.63	2,103,788	2,593,275	1,778,337
VIC	HOSE	909.5	69,578.63	7.80%	76.5	11.48	4.36	226,717	295,175	259,045
VCB	HOSE	2,317.4	66,741.61	7.65%	28.8	16.51	1.62	898,843	1,211,199	802,820
BVH	HOSE	680.5	32,322.39	7.23%	47.5	29.55	2.75	576,092	713,344	481,454
DPM	HOSE	379.9	17,211.02	6.97%	45.3	7.72	1.84	747,220	932,592	537,478
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	5.98%	20.5	29.29	1.56	447,662	670,485	377,752
PVD	HOSE	275.3	20,231.47	5.04%	73.5	11.22	1.89	323,114	404,448	341,071
ITA	HOSE	718.1	5,529.18	3.72%	7.7	298.66	0.67	8,388,156	9,072,196	6,361,966
SHB	HNX	886.1	7,088.67	3.47%	8.0	4.14	0.69	6,483,959	6,103,779	4,124,126
PPC	HOSE	318.2	8,399.28	3.38%	26.4	4.28	1.63	1,240,292	1,493,654	1,429,705
OGC	HOSE	300.0	3,720.00	2.85%	12.4	- 60.59	1.11	2,354,355	1,961,624	1,909,115
GMD	HOSE	114.4	4,050.53	2.66%	35.4	20.65	0.91	390,087	491,108	494,901
HPG	HOSE	419.1	20,114.52	2.60%	48.0	12.42	2.24	638,846	672,322	489,114
HAG	HOSE	718.2	18,600.21	2.25%	25.9	22.74	1.39	4,391,245	3,782,002	2,506,104
DRC	HOSE	83.1	3,887.86	1.93%	46.8	10.27	2.79	528,220	514,282	327,255
VCG	HNX	441.7	6,095.61	1.85%	13.8	11.19	1.08	3,698,596	3,055,912	2,460,433
PVX	HNX	400.0	1,520.00	0.00%	3.8	- 0.76	1.00	10,941,447	8,917,479	6,767,909

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	909.5	69,578.63	0.00%	76.5	11.48	4.36	226,717	295,175	259,045
MSN	HOSE	734.9	68,346.75	0.00%	93.0	169.43	5.22	202,182	275,932	274,082
DPM	HOSE	379.9	17,211.02	0.00%	45.3	7.72	1.84	747,220	932,592	537,478
HAG	HOSE	718.2	18,600.21	0.00%	25.9	22.74	1.39	4,391,245	3,782,002	2,506,104
VCB	HOSE	2,317.4	66,741.61	0.00%	28.8	16.51	1.62	898,843	1,211,199	802,820
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.00%	20.5	29.29	1.56	447,662	670,485	377,752
BVH	HOSE	680.5	32,322.39	0.00%	47.5	29.55	2.75	576,092	713,344	481,454
CTG	HOSE	3,723.4	62,553.20	0.00%	16.8	7.39	1.10	1,069,309	1,044,407	683,321
GAS	HOSE	1,895.0	156,337.50	0.00%	82.5	12.78	4.73	451,693	655,629	432,461

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	68,346.75	0.81%	93.0	169.43	5.22	202,182	275,932	274,082
VIC	HOSE	909.5	69,578.63	0.55%	76.5	11.48	4.36	226,717	295,175	259,045
DPM	HOSE	379.9	17,211.02	0.26%	45.3	7.72	1.84	747,220	932,592	537,478
VCB	HOSE	2,317.4	66,741.61	0.20%	28.8	16.51	1.62	898,843	1,211,199	802,820
STB	HOSE	1,142.5	23,421.49	0.14%	20.5	29.29	1.56	447,662	670,485	377,752
BVH	HOSE	680.5	32,322.39	0.10%	47.5	29.55	2.75	576,092	713,344	481,454

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,336	6.8	1.1	16.9%	11.6%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,912	8.0	1.9	24.6%	18.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,277	22.0	0.6	2.2%	1.8%
Sản xuất giấy	688	19.9	0.7	7.2%	4.3%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	32,422	16.9	1.9	15.7%	6.3%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,115	5.4	0.9	17.5%	3.9%
Khai khoáng	12,401	43.4	4.9	3.8%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,554	17.1	1.4	16.8%	9.9%
Xây dựng	29,132	- 56.6	1.1	5.3%	2.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,357	7.9	1.2	18.8%	10.1%
Công nghiệp phức hợp	422	6.0	0.6	15.9%	11.1%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,689	10.1	1.0	8.7%	4.8%
Thiết bị điện	1,562	- 17.5	0.6	0.1%	-0.9%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	38	21.6	0.5	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	10,095	9.6	1.7	23.9%	13.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,510	- 2.9	0.9	5.3%	0.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,090	12.4	1.7	17.5%	12.6%
Dịch vụ vận tải	4,948	10.5	1.4	15.6%	10.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,905	9.4	1.2	11.6%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	234	14.8	0.7	6.2%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	173	7.6	0.8	11.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	106	1.8	0.6	44.4%	19.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,032	22.7	1.7	16.9%	8.7%
Lốp xe	7,208	8.9	2.5	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,529	7.6	1.2	16.2%	10.1%
Vang & Rượu mạnh	233	14.8	1.8	12.8%	8.1%
Đồ uống & giải khát	227	6.0	1.1	15.8%	10.6%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,922	10.8	1.2	12.4%	5.7%
Thực phẩm	209,272	23.4	5.6	24.5%	18.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	43	84.1	0.5	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,493	10.4	1.2	12.7%	5.6%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	155	10.6	1.3	11.4%	7.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,992	9.5	1.5	15.4%	6.0%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,356	12.0	1.8	16.2%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	714	- 48.7	1.0	8.6%	5.5%

17 February 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,085	7.5	1.0	15.9%	9.1%
Dụng cụ y tế	134	3.5	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	16.7	1.0	6.4%	4.1%
Dược phẩm	15,848	12.7	3.3	26.8%	17.1%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	315	42.7	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	680	32.6	1.2	11.0%	6.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,806	9.7	1.8	20.6%	3.8%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	3.3	0.4	16.1%	9.1%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,087	8.4	1.0	14.5%	9.3%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	99	7.3	2.2	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,662	49.0	2.8	5.6%	2.2%
Dịch vụ giải trí	2,055	21.7	1.7	12.8%	11.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,334	26.2	2.6	17.0%	14.8%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	39	9.1	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	439	47.3	0.6	1.0%	0.4%
Internet	200	37.7	0.5	1.3%	0.3%
Phần mềm	15,825	9.8	2.2	23.5%	10.5%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	359	12.9	0.6	4.2%	1.6%
Thiết bị văn phòng	254	5.1	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,213	18.3	0.7	4.1%	3.1%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,202	6.9	1.3	21.8%	10.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	165,034	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Nước	1,088	5.8	1.1	18.2%	13.0%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,233	10.7	0.9	7.8%	2.9%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,691	12.9	0.8	5.8%	3.0%
Tái bảo hiểm	2,622	7.5	1.1	14.5%	7.8%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	32,527	29.5	2.8	9.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,570	- 60.6	1.1	-1.8%	-0.5%
Môi giới chứng khoán	21,942	18.8	1.3	8.0%	5.5%
Ngân hàng					
Ngân hàng	258,351	10.6	1.3	12.1%	1.0%
Bất động sản					
Bất động sản	144,182	19.6	2.9	25.1%	6.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	3	- 3.5	0.3	-8.6%	-3.9%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,302	10.7	1.8	18.7%	7.0%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.